

Bản án số: 21 /2018/HSST  
Ngày: 19/4/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hân, bà Phan Thị Nhung

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Bích – Thư ký TAND thị xã P .

Đại diện VKSND thị xã P tham gia phiên toà: Ông Lưu Hoàng Minh -  
Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã P ,  
tỉnh Vinh Phúc. Tòa án nhân dân thị xã P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự  
thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018, theo Q định đưa vụ án ra  
xét xử số 19/2018/QĐXX ST – HS ngày 05/4/2018 đối với bị cáo.

**Nguyễn Danh D** sinh ngày 07/07/1994 tại Hà Nội

Nơi cư trú: Khu 5, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: tự do;  
trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:  
Việt Nam; con ông Nguyễn Danh D2 (đã chết) và bà Hoàng Thị H ; vợ con: chưa;  
tiền án,tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/01/2018 đến ngày 02/3/2018 được thay thế  
bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương.  
“có mặt”.

**Trần Văn D1** , sinh năm 1997 tại Tuyên Quang

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện S Dương, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp:  
tự do; trình độ văn hoá 11/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: nam; tôn giáo: Không;  
quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị M ; vợ con: chưa;  
tiền án,tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/01/2018 đến ngày 02/3/2018 được thay thế  
bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương.  
“có mặt”.

**Người bị hại:** Anh Lê Trọng Q , sinh năm 1991 “ có mặt”

Nơi cư trú: Xóm N, xã M, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Trung Q , sinh năm 1992 “ vắng mặt”

Địa chỉ cư trú: Thanh G, phường K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ông Trần Quang S , sinh năm 1963 “ có mặt”

3. Bà Lê Thị Kim T , sinh năm 1973 “ vắng mặt”

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 1, phường T, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 14/12/2017, Nguyễn Danh D đăng tin lên nhóm “Love Boy Hà Nội” (hội những người đồng tính nam) trên mạng xã hội Facebook với nội dung “Hôm nay có ai đi uống rượu không tôi mời”. Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, anh Lê Trọng Q vào mạng Facebook nhắn tin với D và hai người hẹn nhau 18 giờ 30 cùng ngày, đến cổng Công ty Honda Việt Nam ở phường Phúc Thắng, thị xã P , tỉnh Vĩnh Phúc để đi uống rượu.

Đến khoảng 17 giờ 00 cùng ngày, D rủ Trần Văn D1 cùng đi uống rượu cùng. D1 đồng ý nên đến khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, D và D1 đi xe mô tô Honda Dream, BKS: 14F2 – 6082 của D , còn Q đi xe mô tô Honda Airblade BKS: 20B2 - 004.57 của mình đến cho hẹn. Gặp nhau cả 03 cùng nhau đi đến quán ốc Mít ở phường Trung Nhị, thị xã P , tỉnh Vĩnh Phúc để ăn ốc và uống rượu.

Đến khoảng 21 giờ 45 cùng ngày, Q say rượu không còn tỉnh táo nên cả 03 không uống rượu nữa. D tự lấy xe Airblade cùng chìa khóa xe của Q để trên bàn rồi chờ Q , còn D1 ngồi phía sau giữ Q đi tìm nhà nghỉ thuê phòng. Trước khi lên xe D đã lấy chiếc điện thoại di động Oppo F1S, màu vàng hồng của Q để trên mặt bàn cất vào trong người. Đến khoảng 22 giờ 00 cùng ngày, D và D1 chờ Q vào nhà nghỉ Lan Anh ở tổ 1, phường T, thị xã P , tỉnh Vĩnh Phúc thuê phòng nghỉ cho Q , thấy Q say rượu, đã ngủ say nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe Airblade trên của Q đem đi bán lấy tiền trả nợ. D bàn với D1 cùng nhau lấy xe mô tô của Q đem bán, D1 đồng ý nên cả hai lấy xe của Q sau đó đi ra quán ốc để lấy xe Dream của D đã gửi trước đó rồi cùng nhau về phòng trọ của mình tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đường về phòng trọ D nói với D1 “sáng mai đi bán rồi chia đôi tiền” thì D1 đồng ý.

Đến sáng ngày 15/12/2017, D và D1 đi chiếc xe đã lấy được của anh Q lên thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc bán cho ông Trần Quang S sinh năm 1963 ở phường T , thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 29.000.000đ. Số tiền trên D và D1 chia nhau mỗi người số tiền 14.500.000đ tiêu xài cá nhân. Đến sáng ngày 16/12/2017, anh Q nhờ bạn bè liên lạc với D để lấy lại xe, điện thoại đồng thời trình báo với Công an thị xã P sự việc trên.

Sau khi biết Q đòi xe, điện thoại và trình báo Công an, sợ bị xử lý nên D đã gọi điện thoại xin lỗi và hứa sẽ trả lại xe cho Q, sau đó D và D1 đến gặp ông S xin mua lại xe và đặt cọc cho ông S số tiền 10 triệu đồng để làm tin. Do không đủ tiền mua lại xe nên đến khoảng 11 giờ 00 ngày 16/12/2017, D và D1 đem chiếc điện thoại di động Oppo F1S của anh Q bán cho anh Nguyễn Trung Q ở phường K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc lấy số tiền 2.000.000đ để lấy tiền mua lại xe Airblade trả cho anh Q. Đến chiều ngày 16/12/2017, Cơ quan điều tra đã triệu tập D và D1 đến làm việc, tại đây cả hai đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của anh Nguyễn Trung Q : 01 chiếc điện thoại di động Oppo F1S, màu vàng hồng; Thu giữ của ông Trần Quang S : 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade, màu đen xám, BKS: 20B2 - 004.57 cùng 01 giấy đăng ký xe mang tên Lê Văn Q.

- Thu giữ của D : 01 chiếc túi xách giả da màu đen bên trong túi có 01 ốp điện thoại bằng nhựa mềm và 01 ví giả da tối màu, 01 thẻ ngân hàng Techcombank, 01 thẻ ngân hàng Vietinbank, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô (đều mang tên Lê Trọng Q) đều là tài sản trong cốp xe Airblade của anh Q.

- Thu giữ của Nguyễn Danh D và Trần Văn D1 số tiền 20.300.000đ, tự nguyện giao nộp Cơ quan điều tra để bồi thường cho ông S và anh Q nhằm khắc phục hậu quả.

Ngoài ra quá trình điều tra D và D1 đã trực tiếp bồi thường cho ông S số tiền 700.000đ.

Ngày 26/12/2017, Tại bản kết luận số 66/KLĐG của Hội đồng định giá tài sản thị xã P kết luận: 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade, màu đen xám, BKS: 20B2 - 004.57 đã qua sử dụng có giá 38.000.000đ; 01 chiếc điện thoại di động Oppo F1S, màu vàng hồng kèm theo ốp lưng bằng nhựa dẻo đã qua sử dụng có giá 2.800.000đ; 01 chiếc túi xách giả da màu đen, không có nhãn mác có giá 90.000đ. Tổng giá trị tài sản là: 40.890.000đồng.

Đối với ông Trần Quang S và anh Nguyễn Trung Q là người đã mua xe và điện thoại của D, D1 nhưng không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý là có căn cứ. Đến nay ông S yêu cầu D, D1 bồi thường số tiền 18.300.000đ. Anh Q yêu cầu D, D1 bồi thường cho anh số tiền 2.000.000đồng là có căn cứ.

Xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại, xe mô tô cùng toàn bộ tài sản để trong cốp xe nêu trên. Quá trình điều tra xác định toàn bộ tài sản trên là tài sản hợp pháp của anh Q. Do vậy ngày 10/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại tài sản cho anh Q nhận lại. Anh Q không có yêu cầu gì khác đồng thời có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho D và D1.

- Đối với số tiền 20.300.000đồng do D và D1 tự nguyện nộp nêu trên, cần trả lại cho ông S số tiền 18.300.000đồng; trả lại cho anh Q số tiền 2.000.000đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 17/KSĐT – TA ngày 19/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đã truy tố Nguyễn Danh D và Trần Văn D1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên được phân công D trì công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Danh D và Trần Văn D1 phạm tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 138 của bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Nguyễn Danh D từ 15 đến 18 tháng tù; xử phạt Trần Văn D1 từ 12 đến 15 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù của hai bị cáo được trừ thời giam tạm giam từ ngày 02/01/2018 đến 02/3/2018. Không áp dụng khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng: Như nội dung đề nghị tại bản cáo trạng đã nêu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà Nguyễn Danh D và Trần Văn D1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở để xác định: Khoảng hơn 22 giờ 00 phút ngày 14/12/2017 tại vào nhà nghỉ Lan Anh ở tổ 1, phường Trung Trắc, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Danh D có hành vi rủ và cùng Trần Văn D1 trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Oppo F1S, màu vàng hồng và 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade, màu đen xám, BKS: 20B2 - 004.57 cùng với tài sản trong cốp xe của anh Lê Trọng Q. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 40.890.000đồng. Hành vi nêu trên của Nguyễn Danh D và Trần Văn D1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của D và D1 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cụ thể khoản 1 Điều 138 BLHS quy định:

“ Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[2] Xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hai bị cáo với anh Q là bạn, khoảng 17 giờ ngày 14/12/2017 các bị cáo cùng nhau uống rượu tại quán ốc Mít ở phường Trung Nhị, thị xã P. Lợi dụng anh Q say rượu, hai bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của anh Q bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi của các bị cáo là không thể chấp nhận được. Do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo có như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên Trước khi phạm tội, hai bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo lần đầu phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản chiếm đoạt các bị cáo đã tự nguyện trả cho người bị hại, nộp tiền khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đó là những tình tiết giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có. Trong vụ án này D là người khởi xướng đồng thời là người trực tiếp thực hiện còn D1 là đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, nên cần phạt D với mức hình phạt cao hơn của D1. Hình phạt đối với từng bị cáo như vậy là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Không áp dụng khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 để áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo vì bị cáo không có tài sản.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Tài sản trộm cắp anh Q đã nhận lại và không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải Q.

Đối với yêu cầu của ông ông S, bà Thanh yêu cầu D, D1 bồi thường số tiền 18.300.000đ. Anh Q yêu cầu D, D1 bồi thường cho anh số tiền 2.000.000đồng là chính đáng cần buộc bị cáo D, bị cáo D1 liên đới bồi thường cho ông S, bà Thanh và anh Q số tiền trên. Các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường là 20.300.000đồng để đảm bảo thi hành án cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án sẽ xác nhận.

[3] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về thủ tục tố tụng: Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải Q.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt: Nguyễn Danh D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 02/01/2018 đến ngày 02/3/2018.

- Xử phạt: Trần Văn D1 01 (một) năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 02/01/2018 đến ngày 02/3/2018.

Áp dụng Điều 41, 42 bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Danh D và Trần Văn D1 trả cho ông Trần Quang S và bà Lê Thị Kim T 18.300.000đồng, trả cho anh Nguyễn Trung Q 2.000.000đồng. Xác nhận bị cáo D và D1 đã nộp đủ cho ông S , bà Thanh và anh Q . Tạm giữ 20.300.000đồng do D và D1 nộp tại Cơ quan điều tra để đảm bảo thi hành án, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 / 4 / 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P .

Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo D và D1 mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, anh Q và ông S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Thanh, anh Q người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS + CA thị xã P ;
- VKS tỉnh + trại tạm giam
- THA hình sự + dân sự;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp Vĩnh Phúc; Hà Nội, Tuyên Quang
- UBND xã Minh Châu, xã Hợp Hòa;
- Lưu: VP + HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thanh Tâm**